CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
***

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 4
Điều 1. Định nghĩa và giải thích 4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC , TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời gian hoạt động của công ty 6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty 6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của công ty 7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty 7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 9
Điều 10. Thu hồi cổ phần 9
Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông 10
Điều 12. Quyền của cổ đông 10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 13
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 14
Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 14
MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 14
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông 14
Điều 16. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 18. Thay đổi các quyền 18
Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 20. Các điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 21. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 22. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 23
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 24
Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 26
Điều 26. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 27
MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 27
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 27
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, miễn nhiệm, bổ nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 30
Điều 29. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 32
Điều 30. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 33
Điều 31. Quyền và trách nhiệm, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 35
Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 36
Điều 33. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản 40
Điều 34. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị 41

Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty 42
Điều 36. Thư ký Công ty 42
MỤC 3. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY 44
Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý 44
Điều 38. Người điều hành doanh nghiệp 44
Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 44
MỤC 4. BAN KIỂM SOÁT 46
Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát 46
Điều 41. Thành phần, quyền và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát 47
Điều 42. Trưởng Ban Kiểm soát 48
Điều 43. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát 48
Điều 44. Cuộc họp của Ban Kiểm soát 51
Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát 52
CHƯƠNG VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC 52
Điều 46. Trách nhiệm cẩn trọng 52
Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 52
Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 55
CHƯƠNG VII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ CÔNG TY VÀ QUYỀN KHỞI KIỆN 56
Điều 49. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 56
Điều 50. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc 56
CHƯƠNG VIII. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN 57
Điều 51. Lao động và Công đoàn 57
CHƯƠNG IX. TÀI CHÍNH VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN 58
Điều 52. Tài khoản ngân hàng 58
Điều 53. Năm tài chính 58
Điều 54. Chế độ kế toán 58
Điều 55. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 58
Điều 56. Báo cáo thường niên, công bố thông tin và thông báo ra công chúng. 59
Điều 57. Kiểm toán công ty 59
Điều 58. Trích lập các quỹ và phân chia lợi nhuận 59
CHƯƠNG X. CON DẤU 60
Điều 59. Con dấu 60
CHƯƠNG XI. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN 61
Điều 60. Tổ chức lại, giải thể và phá sản 61
Điều 61. Thanh lý 61
CHƯƠNG XII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 62
Điều 62. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Cổ đông 62
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ 62
CHƯƠNG XIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG 62
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 62
Điều 65. Ngày hiệu lực 63
Phụ lục số 01 về ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả thông qua theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2022 và sửa đổi nội dung liên quan đến vốn điều lệ theo Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐQT ngày 19/12/2022 của Hội đồng quản trị sau khi kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Điều lệ bao gồm 65 Điều, chia thành 13 Chương, được ban hành một cách hợp lệ và sẽ điều chỉnh toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả.

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) "**Công ty**" là CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ;

b) "**Điều lệ**" có nghĩa là bản Điều lệ này của Công ty và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Điều lệ này (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại từng thời điểm;

c) "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

d) "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

f) "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;

g) "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

h) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

i) "**Người quản lý Công ty**" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

j) "**Người điều hành Công ty/ Ban Điều hành**" là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;

k) "**Người nội bộ**" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm:

(i) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;

(ii) Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

(iii) Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

(iv) Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

(v) Thư ký Công ty;

(vi) Người phụ trách quản trị Công ty;

(vii) Người được ủy quyền công bố thông tin.

l) "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, như sau:

(i) Công ty và người nội bộ của Công ty;

(ii) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% (*mười phần trăm*) số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;

(iii) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

(iv) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

(v) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

(vi) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(vii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

m) "**Thời hạn hoạt động**" của Công ty là thời gian hoạt động được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

n) "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (*một*) cổ phần của Công ty;

o) **"Cổ đông sáng lập"** là cổ đông sở hữu ít nhất 01 (*một*) cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty;

p) "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu từ 5% (*năm phần trăm*) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

q) "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

r) "**Ban Thanh lý**" có nghĩa là một bộ phận được thành lập cho mục đích giải thể Công ty như được quy định tại Điều 61 Điều lệ này;

s) **"Thành viên độc lập Hội đồng quản trị"** là các thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

t) **"Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành"** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

u) **"Người đại diện quản lý vốn"** là người được Công ty cử, ủy quyền làm người đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp, cổ phần của Công ty tại doanh nghiệp khác để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tại các doanh nghiệp đó;

v) **"Sở Giao dịch Chứng khoán"** là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

w) **"Giấy tờ pháp lý của cá nhân"** là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

x) **"Giấy tờ pháp lý của tổ chức"** là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

2. "**Pháp luật**" có nghĩa là tất cả các luật, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một Cơ quan Nhà nước nào ban hành (bao gồm cả các

văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tùy từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định, văn bản đó.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích và nội dung của các điều khoản của Điều lệ này.

4. Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào trong Điều lệ này mà không được định nghĩa hoặc giải thích tại Điều này (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tên Công ty:

a) Tên Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

b) Tên Công ty bằng tiếng Anh: **DEO CA TRAFFIC INFRASTRUCTURE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

c) Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

d) Tên viết tắt: **DII**

2. Hình thức Công ty: Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành. Công ty là một pháp nhân độc lập, không chịu trách nhiệm đối với các khoản vay nợ hoặc các nghĩa vụ, trách nhiệm khác của cổ đông, trừ khi có thỏa thuận rõ ràng khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a) Địa chỉ trụ sở chính: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

b) Điện thoại: 0236. 3730 574

c) E-mail: info@hhv.com.vn

d) Trang thông tin điện tử (website): hhv.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 60 và Điều 61 Điều lệ này.

ĐIỀU 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

d) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG III
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Công ty được phép tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh theo tất cả các ngành, nghề không bị pháp luật cấm khi đủ điều kiện (nếu có) và đã được đăng ký, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ.

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty là nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh về xây dựng, quản lý và khai thác, duy tu sửa chữa các công trình hạ tầng giao thông và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

ĐIỀU 5. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Ngoài các hoạt động kinh doanh tại khoản 1 Điều này, Công ty được quyền tự do hoạt động trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và phù hợp với quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại từng thời điểm. Đối với các hoạt động kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 6. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

1. Vốn điều lệ của Công ty là **3.078.044.500.000** đồng.
(Bằng chữ: Ba nghìn không trăm bảy mươi tám tỷ, không trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **307.804.450** (*Ba trăm lẻ bảy triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm năm mươi*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua tối thiểu để cổ đông có thể đăng ký mua theo quy định của pháp luật. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần cổ đông hoặc người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các cổ đông hoặc cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị nhận thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 7. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;

f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

g) Nội dung khác theo quy định theo quy định của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (*nếu có*).

2. Hình thức, nội dung và các vấn đề khác liên quan đến cổ phiếu của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật khác có liên quan và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết.

3. Trong thời hạn 24 (*hai mươi bốn*) giờ kể từ ngày nộp đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 24 (*hai mươi bốn)* giờ kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

ĐIỀU 8. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

1. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty (nếu có), trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 9. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại hoặc trả cổ tức trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 và Điều 135 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất

cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

ĐIỀU 11. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Mỗi cổ phần phổ thông có 01 (*một*) phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết, quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý Công ty hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(ii) Trường hợp khác theo quy định tại điểm d khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 16 Điều lệ này.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính

đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Điều lệ này.

e) Đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

(i) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử ứng cử viên bầu vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

(ii) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử 01 (*một*) hoặc một số người theo quy định sau đây làm ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (*năm phần trăm*) đến dưới 10% (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử 01 (*một*) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (*mười phần trăm*) đến dưới 30% (*ba mươi phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa 02 (*hai*) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% (*ba mươi phần trăm*) đến dưới 40% (*bốn mươi phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa 03 (*ba*) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% (*bốn mươi phần trăm*) đến dưới 50% (*năm mươi phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa 04 (*bốn*) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% (*năm mươi phần trăm*) đến dưới 60% (*sáu mươi phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa 05 (*năm*) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% (*sáu mươi phần trăm*) đến dưới 70% (*bảy mươi phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa 06 (*sáu*) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% (*bảy mươi phần trăm*) đến dưới 80% (*tám mươi phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa 07 (*bảy*) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% (*tám mươi phần trăm*) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa 08 (*tám*) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định tại điểm này thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong trường hợp sau đây:

a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu

phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (*mười*) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 4 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (*chín mươi*) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (*ba*) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 13. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
2. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo quy định;
4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ nợ và tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công ty.

7. Cổ đông lớn không được sử dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; đồng thời, có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 14. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

MỤC 1
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 15. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng, mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty;

b) Thông qua các báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán. Quyết định mức cổ tức thanh toán hằng năm của từng loại cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;

d) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

e) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

f) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;

g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

h) Quyết định lựa chọn, thay thế, bổ sung, bãi bỏ các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

k) Quyết định đầu tư, mua sắm, cho thuê, vay, cho vay, thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Công ty, bồi thường, bán, thanh lý tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

l) Quyết định việc Công ty mua lại trên 10% (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

m) Quyết định việc Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

n) Quyết định tỷ lệ trích lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 16. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm 01 (*một*) lần và trong thời hạn 04 (*bốn*) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 (*sáu*) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm họp phù hợp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này nhưng phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thông qua Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tình chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

g) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

h) Quyết định đầu tư, mua sắm, cho thuê, vay, cho vay, thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Công ty, bồi thường, bán, thanh lý tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

i) Quyết định việc Công ty hoặc chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị từ 35% (*ba*

mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

j) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Đại hội đồng cổ đông có quyền tiến hành tổ chức cuộc họp thường niên và bất thường hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để quyết định và thông qua mọi vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này.

4. Toàn bộ các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đều có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (*một phần ba*) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c) Bảng cân đối kế toán hằng năm, các báo cáo tài chính quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị giảm một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này. Trường hợp này, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, điểm e và điểm f khoản 5 Điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

d) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản này thì trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 5 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, cổ đông hoặc

nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 17. ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công ty.

2. Tổ chức, cá nhân là cổ đông sở hữu ít nhất 05% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có thể ủy quyền tối đa cho 03 (*ba*) người đại diện. Trường hợp cổ đông cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và chỉ có hiệu lực với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Nội dung văn bản ủy quyền phải nêu rõ: Tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền; số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền; phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện; chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Chữ ký trong văn bản ủy quyền thực hiện theo quy định như sau:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo uỷ quyền (nếu có) của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

4. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lại.

ĐIỀU 18. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

2. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (*bảy mươi lăm phần trăm*) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (*bảy mươi lăm phần trăm*) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có sự tham gia của tối thiểu 02 (*hai*) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (*một phần ba*) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

4. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Điều lệ này.

5. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 19. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập trong thời hạn

không quá 10 (*mười*) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (*hai mươi*) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Trường hợp cổ phiếu đã được đăng ký lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác tương tự) thì Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (nếu có);

f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

g) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc bằng phương thức khác để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đã đăng ký hoặc cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử hoặc trường hợp cổ đông đã đăng ký số fax hoặc địa chỉ thư điện tử tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác tương tự) và trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác tương tự) lập có số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo mời họp có thể được đựng trong phong bì dán kín và gửi tận tay cho họ tại nơi làm việc. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp trước ít nhất 21 (*hai mươi mốt*) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

4. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (nếu có);

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (*ba*) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Vào thời điểm Công ty nhận được kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu đủ từ 05% (*năm phần trăm*) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị theo quy định tại khoản 6 Điều này thì chậm nhất là 02 (*hai*) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 20. CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (*năm mươi mốt phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và đại diện theo uỷ quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (*ba mươi ba phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (*hai mươi*) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

ĐIỀU 21. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện hợp pháp của cổ đông có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết và/hoặc Phiếu biểu quyết tùy thuộc vào các nội dung trong Chương trình họp. Trên Thẻ biểu quyết ghi số đăng ký cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên của đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Trên Phiếu biểu quyết ghi số đăng ký cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định việc lựa chọn áp dụng phương thức biểu quyết thông qua Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Thư ký hoặc Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu được bầu theo quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền làm chủ tọa cuộc họp vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc hoặc không thực hiện được công việc ủy quyền thì Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị (nếu có) làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (thường trực) đều vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu 01 (*một*) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được chủ tọa cuộc họp thì Trưởng Ban Kiểm soát sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cuộc họp có thể đề cử một số nhân sự để thành lập Đoàn Chủ tịch (thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành,...) cùng chủ tọa điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách Đoàn Chủ tịch không quá 05 (*năm*) người và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

e) Thư ký hoặc Ban Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là (các) nhân sự được quy định tại Điều 36 Điều lệ này. Trường hợp Thư ký hoặc nhân sự trong Ban Thư ký vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc vì lý do bất khả kháng, Chủ tọa cử 01 (*một*) hoặc một số người khác làm Thư ký hoặc Ban Thư ký cuộc họp.

f) Đại hội đồng cổ đông bầu 01 (*một*) hoặc một số người trong số đại biểu vào Ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu và/hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không bầu thì chủ tọa cuộc họp cử 01 (một) hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu không quá 03 (*ba*) người, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp mà mình cho là thích hợp để:

a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính tổ chức cuộc họp; bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa cuộc họp, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ những quy định về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (*ba*) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu 01 (*một*) người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực của các kết quả biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng Thẻ biểu quyết (tán thành, không tán thành và không có ý kiến) và/hoặc Phiếu biểu quyết tùy thuộc vào từng nội dung.

Tại cuộc họp, đối với các nội dung được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết thì số thẻ biểu quyết tán thành được đếm trước, số thẻ biểu quyết không tán thành được đếm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền chỉ được biểu quyết cho 01 (*một*) trong 03 (*ba*) quyết định tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến cho mỗi nội dung được biểu quyết. Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền biểu quyết cho từ 02 (*hai*) quyết định trở lên trong cùng một nội dung thảo luận thì việc biểu quyết này được coi là không hợp lệ. Đối với các vấn đề lấy ý kiến thông qua Phiếu biểu quyết thì Phiếu biểu quyết sẽ được thu

khi các nội dung đã được cổ đông cho ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định, quy chế khác của Công ty.

ĐIỀU 22. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 và khoản 9 Điều 23 Điều lệ này, nghị quyết Đại hồi đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f) Vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (*năm mươi mốt phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này, khoản 2 Điều 18 và khoản 9 Điều 23 Điều lệ này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho 01 (*một*) hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (*hai*) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo quy chế bầu cử tùy thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại thời điểm bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nghị quyết, quyết định được thông qua và phải thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc gửi nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

6. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (*một trăm phần trăm*) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả

khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết, quyết định đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

7. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo hình thức biểu quyết thông thường.

ĐIỀU 23. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 (*mười lăm*) ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của các nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết, quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty bằng các hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được lưu giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử được xác định là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. Phiếu không hợp lệ, phiếu không có thông tin trả lời và phiếu lấy ý kiến không được gửi về không được tính vào tổng số phiếu tính tỷ lệ biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của đại diện Ban Kiểm soát và/hoặc của 01 (*một*) cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi Phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm phiếu (nếu có), người kiểm phiếu và đại diện Ban Kiểm soát và/hoặc cổ đông tham gia giám sát việc kiểm phiếu.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm phiếu (nếu có), người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết, quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn 24 (*hai mươi bốn*) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% (*năm mươi mốt phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 24. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể được ghi âm, ghi hình hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên Chủ tọa và Trưởng Ban Thư ký hoặc Thư ký cuộc họp;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Trưởng Ban Thư ký hoặc Thư ký cuộc họp. Trường hợp Chủ tọa, Trưởng Ban Thư ký hoặc Thư ký từ chối ký biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Trưởng Ban Thư ký hoặc Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng quản trị cử 01 (*một*) thành viên Hội đồng quản trị ký ban hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu tất cả các thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản họp, Đại hội đồng cổ đông cử 01 (*một*) người trong số các cổ đông dự họp thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký biên bản họp và nghị quyết, quyết định đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Trưởng Ban Thư ký hoặc Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp, nghị quyết, quyết định đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các bản ghi chép, danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tất cả các tài liệu có liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khác phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

   Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ biên bản họp, nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tất cả các tài liệu có liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nêu tại khoản này. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những nội dung, công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định sau khi biên bản được công bố hoặc gửi đi và có quyết định hủy bỏ của cơ quan có thẩm quyền.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

ĐIỀU 25. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 (*chín mươi*) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết, quyết định hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết, quyết định hoặc một phần nội dung nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 22 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết, quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

ĐIỀU 26. HIỆU LỰC CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc kể từ thời điểm có hiệu lực ghi trong nghị quyết, quyết định đó.

2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (*một trăm phần trăm*) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết, quyết định đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết, quyết định đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, Trọng tài thì người có thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và Điều lệ này.

MỤC 2
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 27. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và ngân sách hàng năm cho năm tiếp theo. Trong thời gian từ khi kết thúc kế hoạch hoạt động của năm trước cho đến thời điểm kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch tài chính và ngân sách cho năm tiếp theo được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty thực hiện theo kế hoạch kinh doanh, tài chính và ngân sách tạm thời do Hội đồng quản trị phê duyệt nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty;

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật; quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi thuộc thẩm quyền và trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

e) Thực hiện định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

f) Kiến nghị việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

g) Kiến nghị mức cổ tức được trả trình Đại hội đồng cổ đông quyết định; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

h) Kiến nghị việc tái cơ cấu, tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

i) Quyết định việc Công ty mua lại không quá 10% (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (*mười hai*) tháng và mức giá mua đối với số cổ phần này theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

j) Liên đới chịu trách nhiệm về việc thu hồi việc thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản trị nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trong phạm vi thẩm quyền;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư đối với các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty; quyết định chủ trương khảo sát, nghiên cứu để đầu tư, lựa chọn tổ chức lập dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

n) Quyết định các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) đến dưới 65% (*sáu mươi lăm phần trăm)* giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;

o) Quyết định đầu tư, mua sắm, cho thuê, bồi thường, bán, thanh lý tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) đến dưới 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Công ty và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) đến dưới 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;

q) Quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị dưới 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

r) Quyết định các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị xét thấy cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

s) Cử người đại diện và quản lý phần vốn đầu tư của Công ty tại các doanh nghiệp mà Công ty đầu tư vốn, đồng thời quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

t) Quyết định việc sử dụng các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng của Công ty;

u) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của các nhân sự do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

v) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và chỉ đạo này của Hội đồng quản trị;

w) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo tình hình quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính hằng năm của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông thì những báo cáo này bị coi là không có giá trị;

x) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền;

y) Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin và các quy chế nội bộ khác của Công ty;

z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị và các đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các trách nhiệm sau đây:

a) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty; đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

c) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

e) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

f) Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Đánh giá hoạt động và tình hình quản trị Công ty trong năm tài chính;

b) Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;

e) Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

f) Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (*ba*) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

g) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;

h) Kết quả giám sát đối với người điều hành Công ty khác;

i) Các kế hoạch trong tương lai.

ĐIỀU 28. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ, TIÊU CHUẨN, MIỄN NHIỆM, BỔ NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị có từ 07 (*bảy*) đến 09 (*chín*) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo từng thời điểm.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (*năm*) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (*năm*) năm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước khi kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của Điều lệ này. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 (*năm*) công ty khác.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 02 (*hai*) thành viên độc lập Hội đồng quản trị và tối thiểu 1/3 (*một phần ba*) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp;

(ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

(iii) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa 05 (*năm*) công ty khác và không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định của pháp luật.

(iv) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

b) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (*ba*) năm liền trước đó;

(ii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

(iii) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

(iv) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (*một phần trăm*) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

(v) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (*năm*) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (*hai*) nhiệm kỳ.

(vi) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (*sáu*) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

d) Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

(i) Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này;

(ii) Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

(iii) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

(i) Thành viên Hội đồng quản trị không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và/hoặc không tham gia các hoạt động khác của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (*sáu*) tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

(ii) Khi thành viên Hội đồng quản trị có 01 (*một*) hoặc một số hành vi sau:

- Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, cổ đông;

- Không trung thành với Công ty thông qua việc thực hiện một hoặc nhiều hành vi bao gồm nhưng không giới hạn như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Công ty, cổ đông;
- Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và tiến độ của công tác quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như: Cố tình không tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị dù được triệu tập hợp lệ, từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng quản trị phân công, giao nhiệm vụ, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ Công ty và/hoặc có hành vi làm phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Công ty;
- Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về quyền lợi của mình tại tổ chức khác; giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty;
- Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Công ty hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Công ty.

(iii) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngoài trường hợp quy định tại Điều lệ này khi xét thấy cần thiết.

8. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (*một phần ba*) so với số lượng quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (*sáu mươi*) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (*một phần ba*);

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

9. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc nhận được đơn từ chức, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

ĐIỀU 29. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố tối thiểu 10 (*mười*) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác mà ứng viên đang nắm giữ, bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác;

e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty trong trường hợp ứng viên đó đang làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);

g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);

h) Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông có thể tự nguyện hợp thành nhóm để đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Việc hợp thành nhóm cổ đông này phải được thông báo cho Ban Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trước khi thực hiện đề cử, đồng thời, phải thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phần phổ thông tại Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản này được quyền đề cử 01 (*một*) hoặc một số người theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12 Điều lệ này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định tại điểm này thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

c) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 30. CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty có 01 (*một*) Chủ tịch Hội đồng quản trị và có từ 02 (*hai*) đến 03 (*ba*) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì điều khiển và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hằng năm, Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, và Báo cáo giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Chỉ đạo, theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

f) Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;

g) Quyết định thành lập bộ phận Văn phòng Hội đồng quản trị trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội đồng quản trị; quyết định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Hội đồng quản trị, quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, phân công công việc, chính sách thù lao, thu nhập và các vấn đề khác đối với các nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội đồng quản trị;

h) Đảm bảo việc trao đổi thông tin kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động độc lập, hiệu quả và thiết lập những mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Hội đồng quản trị;

j) Tuân thủ nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý, bao gồm trách nhiệm cẩn trọng, trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và ủy quyền hoặc/và phân công của Hội đồng quản trị.

3. Các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm hỗ trợ, giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này. Hội đồng quản trị có thể có Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị. Quyền và nghĩa vụ của Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, quyết định của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 (*một*) thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu 01 (*một*) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (*mười*) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc nghị quyết, quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm có hiệu lực thi hành.

ĐIỀU 31. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (*ba*) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

f) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

g) Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng và các lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm các đại diện được uỷ quyền thay thế, được hưởng thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với công việc mình đảm nhiệm. Thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và quy định pháp luật khác liên quan, được thể hiện chi tiết thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị thì được trả tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói, lương riêng độc lập, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 32. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tổ chức trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (*một*) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (*một*) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (*một*) lần và có thể họp bất thường. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục họp phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ:

   Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình họp, gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cho các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất 05 (*năm*) ngày làm việc trước ngày họp.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường:

   Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi xét thấy cần thiết hoặc có đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

a) Trên 1/2 (*một phần hai*) số thành viên Hội đồng quản trị;

b) Ít nhất 02 (*hai*) thành viên Hội đồng quản trị;

c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (*năm*) người quản lý khác;

e) Ban Kiểm soát.

5. Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (*năm*) ngày làm việc trước ngày

họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; kèm theo Thông báo mời họp phải có tài liệu liên quan đến các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 (*một phần hai*) số thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị kèm theo thông báo mời họp hoặc gửi ngay tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, đường bưu điện, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng quản trị quyết định nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền từ chối nhận thông báo mời họp Hội đồng quản trị và việc từ chối này phải thể hiện bằng văn bản, thư, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác đảm bảo đến được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp này được xem như người triệu tập họp Hội đồng quản trị đã gửi thông báo mời họp đúng theo quy định và thành viên Hội đồng quản trị đó không tham dự họp Hội đồng quản trị, trừ khi thành viên Hội đồng quản trị đó tham gia họp Hội đồng quản trị theo thông báo mời họp hoặc có văn bản hủy bỏ văn bản từ chối nhận thông báo mời họp.

d) Thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào chương trình họp nếu nội dung đó được toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị dự họp thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Việc từ chối đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào cuộc họp phải được nêu công khai tại cuộc họp Hội đồng quản trị và ghi vào Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có từ 3/4 (*ba phần tư*) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp, kể cả người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ điều kiện để tiến hành họp thì cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp, kể cả người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị uỷ quyền trực tiếp tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có 01 (*một*) phiếu biểu quyết.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về vấn đề liên quan đến các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan của thành viên đó có

lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c) Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh này được chuyển tới Chủ toạ cuộc họp và phán quyết của Chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách đầy đủ và thích đáng.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua được ban hành dưới hình thức nghị quyết, quyết định.

12. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (*một*) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

14. Hội đồng quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác phù hợp với điều kiện kỹ thuật công nghệ hiện đại của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp và việc tổ chức họp Hội đồng quản trị theo các hình thức này là thuận lợi hơn cho thành viên Hội đồng quản trị so với hình thức họp trực tiếp với điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời mà không cần một thành viên nào phải có mặt trước các thành viên khác. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này.

Địa điểm họp Hội đồng quản trị được tổ chức theo quy định tại khoản này do Chủ tọa quyết định và được xác định là nơi Chủ toạ tham dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị được xác định là tham gia cuộc họp khi có sự xác nhận của thành viên hoặc người đại diện theo quyền của thành viên đó bằng cách phát biểu hoặc các hình thức điểm danh hợp lệ khác theo yêu cầu của chủ tọa trước khi tiến hành cuộc họp.

Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Hội đồng quản trị thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp Hội đồng quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này có hiệu lực ngay sau khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng biên bản cuộc họp được lưu giữ dưới hình thức phù hợp với hình thức họp và trong đó thể hiện rõ tất cả các phát biểu và biểu quyết của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới các hình thức điện tử khác nhau. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết, rõ ràng và đảm bảo các nội dung sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

(ii) Thời gian, địa điểm họp;

(iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp;

(vii) Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

(x) Họ, tên, chữ ký từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp;

(xi) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (nếu có).

b) Biên bản được coi là hợp lệ trong trường hợp biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có họ tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và chữ ký của ít nhất 01 (*một*) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung theo quy định tại điểm a khoản này, trừ tiết ix điểm a khoản này thì biên bản có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản và Hội đồng quản trị cử một thành viên Hội đồng quản trị khác ký ban hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền đã tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng từ chối ký tên vào biên bản họp không làm miễn trừ cho thành viên đó về các nghĩa vụ liên quan mà thành viên này đã tham gia biểu quyết. Đồng thời, việc từ chối xác nhận về sự tham gia, về nghĩa vụ của mình tại cuộc họp hoặc các nghĩa vụ của Hội đồng quản trị là cơ sở để Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét tư cách của thành viên này.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát của Công ty. Biên bản họp Hội đồng quản trị là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp Hội đồng quản trị, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (*mười*) ngày kể từ ngày biên bản được gửi đi.

e) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

f) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

16. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó. Trong trường hợp thời điểm hiệu lực không được thể hiện rõ trong nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, thời điểm có hiệu lực của nghị quyết, quyết định đó là thời điểm nghị quyết, quyết định được thông qua.

b) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

17. Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này hoặc nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên biểu quyết tán thành thông qua nghị quyết, quyết định phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên biểu quyết không tán thành thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết, quyết định nói trên.

ĐIỀU 33. LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẰNG VĂN BẢN

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến và các văn bản giải trình về nội dung cần lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị. Tài liệu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trước ít nhất 05 (*năm*) ngày làm việc tính từ thời điểm tổng hợp phiếu ý kiến và ra quyết định. Cách thức gửi tài liệu thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này về việc gửi tài liệu họp Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến;

e) Phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn gửi phiếu ý kiến đã được trả lời về Công ty;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Mỗi nội dung biểu quyết về một vấn đề tương ứng trong Phiếu ý kiến được xem là phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị về vấn đề đó. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 (*một*) phiếu biểu quyết. Phiếu ý kiến trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến. Phiếu ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn gửi phiếu ý kiến hoặc không tuân thủ hướng dẫn tại Phiếu ý kiến được coi là không hợp lệ và không được tính vào tổng số phiếu tính tỷ lệ biểu quyết.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức việc kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu được lập thành biên bản và phải được thực hiện dưới sự giám sát của đại diện Ban Kiểm soát.

Biên bản kiểm phiếu phải có đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Thời gian, địa điểm kiểm phiếu;

c) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

d) Tổng số phiếu có quyền biểu quyết, số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến;

e) Vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị và những người ký tên trong biên bản kiểm phiếu cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung kiểm phiếu.

7. Nội dung được đa số thành viên biểu quyết tán thành tại biên bản kiểm phiếu phải được lập thành nghị quyết, quyết định thông qua. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

8. Hội đồng quản trị quyết định ban hành quy chế, văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

9. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định được Hội đồng quản trị thông qua phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát trong thời hạn 10 (*mười*) ngày kể từ ngày lập biên bản.

10. Tài liệu họp, phiếu ý kiến, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định được Hội đồng quản trị thông qua phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 34. CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc căn cứ vào nhu cầu hoạt động quản trị Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và phải có tối thiểu là 03

(*ba*) người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Thành viên Hội đồng quản trị trực thuộc các tiểu ban có thể được hưởng một mức thù lao, tiền lương nhất định phụ thuộc vào tính chất và khối lượng công việc của mỗi tiểu ban và do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Các thành viên bên ngoài làm việc trong các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị được trả thù lao, tiền lương theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng dịch vụ hoặc các hình thức thỏa thuận khác với điều kiện phải được Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi Tổng Giám đốc thực hiện ký kết hợp đồng với các nhân sự này.

4. Các hành động thực thi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

ĐIỀU 35. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (*một*) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị doanh nghiệp tại Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định nhưng tối đa là 05 (*năm*) năm. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi đa số (trên 50%) số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm

01 (*một*) Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động và các quyền theo hợp đồng đã ký.

a) Người phụ trách quản trị công ty có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong trường hợp sau:

(i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

(ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

(iii) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;

(iv) Do sức khỏe của Người phụ trách quản trị công ty không đảm bảo để tiếp tục công tác;

(v) Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

b) Người phụ trách quản trị công ty có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong trường hợp sau:

(i) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;

(ii) Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;

(iii) Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

5. Công ty phải thông báo và công bố thông tin về việc bổ nhiệm, nhận được đơn từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 36. THƯ KÝ CÔNG TY

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (*một*) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Thư ký và/hoặc giải tán Tổ Thư ký Công ty nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký hoặc Tổ Thư ký Công ty như sau:

1. Chuẩn bị việc tổ chức các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

2. Ghi chép biên bản các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

3. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

4. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

5. Hỗ trợ Công ty trong việc xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

6. Đảm bảo các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

7. Cung cấp các thông tin, bản sao biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thông tin khác cho cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo yêu cầu công việc phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty;

8. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

9. Có quyền từ chối thực hiện các yêu cầu vi phạm các quy định của pháp luật, Điều lệ này và/hoặc quy chế nội bộ của Công ty;

10. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

11. Được hưởng tiền lương, thù lao và các chế độ khác theo quy định tại hợp đồng lao động, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

MỤC 3
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY KHÁC

ĐIỀU 37. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu sự chỉ đạo, giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có 01 (*một*) Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, 01 (*một*) Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn bằng nghị quyết, quyết định được thông qua theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Tổng Giám đốc không được kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 38. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Người điều hành công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện và các vị trí quản lý khác tương đương trở lên trong Công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty khác phải có trách nhiệm và sự mẫn cán cần thiết để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Mức lương, thưởng, quyền lợi và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hợp đồng với những người điều hành công ty khác sẽ do Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc quyết định phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ liên quan của Công ty.

4. Tiền lương, thưởng của người điều hành công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và quy định pháp luật khác liên quan, được thể hiện chi tiết thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 39. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (*một*) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Thông tin về mức lương, trợ cấp và các quyền lợi khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm và báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (*năm*) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty, đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định nội bộ của Công ty và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Không thuộc các trường hợp bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm việc đại diện Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch tài chính, kinh doanh, thương mại, lao động,…; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và trong phạm vi thẩm quyền quy định.

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư của Công ty đã được thông qua;

c) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Quyết định đầu tư, mua sắm, cho thuê, bồi thường, bán, thanh lý tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị đến dưới 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất và phải báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất;

e) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối với các hợp đồng, giao dịch và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị đến dưới 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này.

f) Quyết định các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách có giá trị đến dưới 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định Điều lệ này;

g) Quản lý và sử dụng các quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi của Công ty và có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình quản lý và sử dụng các quỹ trên trong mỗi năm tài chính;

h) Kiến nghị số lượng và chức vụ người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành các hoạt động do Hội đồng quản trị đề ra;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

j) Tuyển dụng lao động;

k) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

l) Ban hành các quy định, quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền;

m) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

n) Lập kế hoạch tài chính và ngân sách năm tiếp theo để trình Hội đồng quản trị xem xét trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

o) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, Tổng Giám đốc phải chuẩn bị kế hoạch hoạt động chi tiết của Công ty cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp kế hoạch tài chính 05 (*năm*) năm của Công ty;

p) Được hưởng tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo thỏa thuận và theo quy định, quy chế của Công ty;

q) Thực thi kế hoạch hoạt động hằng năm được thông qua;

r) Đề xuất những biện pháp nâng cao công tác quản lý và hoạt động của Công ty;

s) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch hoạt động. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ được trình Hội đồng quản trị và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

t) Thực hiện tất cả các hoạt động khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định, quy chế của Công ty;

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động đã ký với Công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định, quy chế khác của Công ty. Trong trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cơ quan này khi được yêu cầu.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc không có quyền biểu quyết.

MỤC 4
BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 40. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát thực hiện tương tự quy định tại Điều 29 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ

ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 41. THÀNH PHẦN, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, số lượng thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty là 03 (*ba*) người do Đại hội đồng cổ đông bầu với nhiệm kỳ là 05 (*năm*) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú tại Việt Nam.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc các trường hợp bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty và công ty mẹ;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (*ba*) năm liền trước đó;

g) Không phải là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn của Nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty;

h) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát:

a) Thành viên Ban Kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan, Điều lệ này và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; trong đó, có quyền tiếp nhận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.

b) Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ sau đây:

(i) Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định, quy chế nội bộ của Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

(ii) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

(iii) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(iv) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Trường hợp vi phạm quy định về nghĩa vụ tại điểm b khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng 06 (*sáu*) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định, quy chế khác của Công ty;

d) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

ĐIỀU 42. TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số thành viên Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành Công ty khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định, quy chế khác của Công ty.

ĐIỀU 43. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ như quy định sau đây:

a) Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (*sáu*) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của

Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

d) Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

e) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

f) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên;

g) Thực hiện kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty; được nhận các nghị quyết, quyết định, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các tài liệu có liên quan cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

j) Trường hợp phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành Công ty khác vi phạm quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản lý, điều hành doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan, Điều lệ này và quy chế, quy định nội bộ của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 (*bốn mươi tám*) giờ kể từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

l) Có quyền tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

o) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

p) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

q) Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành Công ty khác;

r) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp và việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành công ty khác;

s) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành Công ty khác;

t) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

u) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

v) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

w) Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 Điều lệ này và phải đảm bảo có các nội dung sau:

(i) Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

(ii) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

(iii) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Điều lệ này;

(iv) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát;

(v) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

(vi) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (*ba*) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

(vii) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty;

(viii) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

x) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh hoặc địa điểm khác, có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

y) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành công ty khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị, Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành Công ty khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu liên

quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát. Thư ký hoặc Tổ Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, các thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị, các biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị, các tài liệu do Công ty phát hành và các tài liệu kèm theo các tài liệu trên đây phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức chúng được gửi đến cho các cổ đông hoặc thành viên Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 44. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (*hai*) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (*hai phần ba*) số lượng thành viên Ban Kiểm soát trở lên dự họp.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới các hình thức điện tử khác. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lập chi tiết, rõ ràng và đảm bảo các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Vấn đề được thảo luận và thông qua tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và người ghi biên bản.

j) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (nếu có).

4. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Trường hợp người ghi biên bản và/hoặc thành viên dự họp từ chối ký biên bản họp Ban Kiểm soát nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Ban Kiểm soát tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều này, trừ điểm i khoản 3 Điều này, thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc người ghi biên bản và/hoặc thành viên Ban Kiểm soát dự họp từ chối ký biên bản họp.

5. Chủ tọa cuộc họp, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Ban Kiểm soát.

6. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

ĐIỀU 45. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh khác một cách hợp lý khi họ thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng mức chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định pháp luật khác có liên quan và phải được lập chi tiết thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU 46. TRÁCH NHIỆM CẨN TRỌNG

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành công ty khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình tính chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

ĐIỀU 47. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành công ty khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật liên quan và theo quy định sau đây:

a) Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại điểm l khoản 1 Điều 1 Điều lệ này và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

(i) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà các đối tượng này làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

(ii) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của các đối tượng này làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (*mười phần trăm*) vốn điều lệ.

Việc kê khai quy định tại điểm này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty khác trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó thì phải công khai bản chất, nội dung của lợi ích đó trong cuộc họp mà Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty khác không biết bản thân và người liên quan của mình có lợi ích liên quan vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty đó phải công khai và thông báo về việc có lợi ích liên quan này cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn 24 (*hai mươi bốn*) giờ kể từ thời điểm biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan và có nghĩa vụ chứng minh về sự vô tư, khách quan của mình trong hợp đồng, giao dịch này. Việc xử lý các hợp đồng, giao dịch do vi phạm các quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành Công ty khác phải trung thành với các lợi ích của Công ty và cổ đông. Người điều hành Công ty và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty, không được phép sử dụng thông tin, bí quyết, những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty và tài sản của Công ty vì mục đích, tư lợi cá nhân hoặc để phục vụ cho lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành Công ty khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành Công ty khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện khi tiến hành các giao dịch với người có liên quan của Công ty và có thể áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

8. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

9. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông là công ty con không có cổ phần, phần vốn góp của Nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 01/7/2015.

10. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc/và trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này.

11. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành Công ty khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

Trường hợp Công ty cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành Công ty khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế thì phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này trước khi thực hiện.

b) Giao dịch có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

(i) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý Công ty khác và người có liên quan của các đối tượng này;

(ii) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (*mười phần trăm*) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

(iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;

(iv) Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty khác làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (*mười phần trăm*) vốn điều lệ.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% (*mười phần trăm*) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% (*năm mươi mốt phần trăm*) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

12. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 11 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

13. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành Công ty khác và các cá nhân, tổ chức liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành Công ty khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban của Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

b) Đối với những hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành Công ty khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết tán thành của các cổ đông không có lợi ích liên quan đại diện ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết còn lại.

14. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông, Người điều hành doanh nghiệp khác hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các loại chứng khoán của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những loại chứng khoán đó trong khi các cổ đông khác không biết những thông tin này.

15. Hợp đồng hoặc giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều này gây thiệt hại cho Công ty thì người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc người quản lý Công ty khác có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó.

ĐIỀU 48. TRÁCH NHIỆM VỀ THIỆT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý công ty khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn cần thiết phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành, bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ khiếu nại, kiện do Công ty là người khởi kiện hoặc có quyền khởi xướng thực hiện trong trường hợp người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý Công ty khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và Điều lệ này và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là mức hợp lý khi giải

quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VII
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH, HỒ SƠ CÔNG TY VÀ QUYỀN KHỞI KIỆN

ĐIỀU 49. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ công ty, cụ thể như sau:

a) Cổ thông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình, xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền thực hiện xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm hoặc hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và hồ sơ, tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

Yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ, tài liệu quy định tại Điều khoản này do người đại diện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện phải thể hiện bằng văn bản và kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc 01 (*một*) bản sao chứng thực của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

ĐIỀU 50. QUYỀN KHỞI KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% (*một phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp người khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

CHƯƠNG VIII
LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 51. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

1. Tuyển dụng lao động

Công ty trực tiếp tuyển dụng, thuê và chấm dứt thuê người lao động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và trên cơ sở kế hoạch sử dụng nhân sự hàng năm được Hội đồng quản trị phê duyệt. Công ty ưu tiên tuyển dụng lao động là người Việt Nam. Đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao, cán bộ quản lý hoặc các vị trí mà lao động Việt Nam chưa đáp ứng được, Công ty có thể tuyển dụng lao động nước ngoài để thay thế với điều kiện là sau đó có kế hoạch đào tạo người Việt Nam để thay thế trong một thời gian hợp lý.

2. Chậm nhất đến ngày 31/12 của năm, Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch sử dụng nhân sự của năm kế tiếp trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, quỹ tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Các vấn đề khác về lao động

Tất cả các vấn đề cụ thể và trực tiếp liên quan đến nguồn nhân lực của Công ty, kể cả các hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời gian làm việc, ngày nghỉ, tiền lương, bảo hiểm, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra, giải quyết tranh chấp lao động và những vấn đề có liên quan khác sẽ do Tổng Giám đốc quản lý và giải quyết theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Công đoàn

Người lao động Công ty có quyền thành lập, hoạt động và tham gia Công đoàn và Công đoàn phải hoạt động phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Công ty ký kết thỏa ước lao động tập thể với đại diện người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định liên quan.

CHƯƠNG IX
TÀI CHÍNH VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

ĐIỀU 52. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh của ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và trên cơ sở yêu cầu hoạt động của Công ty.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 53. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó. Thời điểm kết thúc năm tài chính cuối cùng là ngày giải thể Công ty.

ĐIỀU 54. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

ĐIỀU 55. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, SÁU THÁNG VÀ QUÝ

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tình chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trường hợp Công ty là Công ty mẹ, vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của công ty mẹ và công ty con.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và phải trả chi phí cho việc sao chụp theo quy định của Công ty.

ĐIỀU 56. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 57. KIỂM TOÁN CÔNG TY

1. Tại cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông chỉ định 01 (*một*) công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận đã được Hội đồng quản trị thông qua.

2. Báo cáo kiểm toán phải được đính kèm Báo cáo tài chính năm của Công ty. Các tài liệu này phải được gửi cho Hội đồng quản trị trong vòng 70 (*bảy mươi*) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị gửi Báo cáo tài chính kiểm toán cùng với báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (*ba mươi*) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được mời tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty nếu Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu hoặc cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát hoặc người triệu tập cuộc họp thấy cần thiết.

ĐIỀU 58. TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

1. Việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung Vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 05 (*năm phần trăm*) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự trữ bằng 10% (*mười phần trăm*) vốn điều lệ của Công ty.

3. Trả cổ tức

a) Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (*sáu*) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc chia cổ tức. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ

theo ngày này, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

c) Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hoặc khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

d) Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

e) Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả cổ tức có thể thực hiện trực tiếp hoặc thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng hoặc thanh toán thông qua ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty chi trả cổ tức bằng lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng thì cổ đông đó phải chịu các rủi ro phát sinh từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông. Trường hợp Công ty chi trả cổ tức bằng chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

f) Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

g) Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

4. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của háp luật.

CHƯƠNG X
CON DẤU

ĐIỀU 59. CON DẤU

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu và dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu chính thức của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG XI
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

ĐIỀU 60. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định việc tổ chức lại Công ty, bao gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty hoặc các hình thức tái cấu trúc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc tổ chức lại Công ty phải được tiến hành theo cách thức do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (*sáu*) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan. Việc phá sản Công ty tuân thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

ĐIỀU 61. THANH LÝ

1. Tối thiểu 06 (*sáu*) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm 03 (*ba*) thành viên, trong đó 02 (*hai*) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (*một*) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (*một*) công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý do Đại hội đồng cổ đông chỉ định có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý Công ty được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản tiền lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động được ký kết;

c) Nợ thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả theo quy định;

d) Các khoản nợ khác của Công ty.

4. Tiền còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều này được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XII
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 62. TRƯỜNG HỢP BẾ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CỔ ĐÔNG

Trừ khi pháp luật hoặc Điều lệ này có quy định khác, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (*năm phần trăm*) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý, điều hành các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu biểu quyết cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;
2. Các cổ đông không thống nhất trong quản lý, điều hành các công việc của Công ty nên không thể đạt được số phiếu biểu quyết cần thiết theo quy định để Đại hội đồng cổ đông hoạt động;
3. Có sự bất đồng, chia rẻ giữa các cổ đông và nội bộ Công ty khiến cho việc giải thể là phương án có lợi nhất cho tất cả cổ đông.

ĐIỀU 63. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát hoặc người điều hành Công ty khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định 01 (*một*) chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (*sáu*) tuần từ ngày bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIII
CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 64. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng các quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

ĐIỀU 65. NGÀY HIỆU LỰC

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này gồm 13 Chương và 65 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2022 và sửa đổi nội dung liên quan đến vốn điều lệ theo Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐQT ngày 19/12/2022 của Hội đồng quản trị sau khi kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng; có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này bằng tiếng Việt và được lập 05 (*năm*) bản gốc, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đây và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (*một phần hai*) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
DEOCA INFRASTRUCTURE
MSDN: 0400101965

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Huy

PHỤ LỤC 1

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ Hải Vân, hầm đường bộ Đèo Cả - Cổ Mã, hầm đường bộ Cù Mông, bằng phương tiện chuyên dùng: Kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt.	4932
2.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng.	4933
3.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, cho thuê văn phòng (không bao gồm hoạt động: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
4.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn.	3311
5.	Sửa chữa máy móc, thiết bị.	3312
6.	Sửa chữa thiết bị điện.	3314
7.	Sửa chữa thiết bị khác.	3319
8.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320
9.	Lắp đặt hệ thống điện.	4321
10.	Phá dỡ. Chi tiết: Phá hủy hoặc đập các tòa nhà và công trình khác (không bao gồm: Phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng)	4311
11.	Chuẩn bị mặt bằng.	4312
12.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.	4390
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng.	4330
14.	Cho thuê xe có động cơ.	7710
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Bán buôn tất cả máy móc, thiết bị và phụ tùng máy được phép phân phối theo quy định (không bao gồm các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng máy mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối theo quy định của pháp luật)	
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. (không bao gồm hoạt động nhập khẩu và phân phối các loại máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm có chứa vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu)	4651
17.	Lập trình máy vi tính.	6201
18.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy tính.	6202
19.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.	6209
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
21.	Bốc xếp hàng hóa.	5224
22.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.	4520
23.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá xây dựng, cát xây dựng.	0810
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch.	5510
25.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn lựa chọn nhà thầu, quản lý dự án. Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.	7020
26.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	4329
27.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai, nước đá viên sạch.	1104
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.	5610
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ hóa chất độc hại Nhà nước cấm); Bán buôn nhũ tương nhựa đường. Bán buôn thiết bị phòng cháy, chữa cháy.	4669
30.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp các phương tiện, thiết bị phun nhựa, rải đá.	
31.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Sản xuất, lắp đặt cọc tiêu, biển báo, cống bê tông xi măng và tấm hộ lan mềm dùng cho giao thông đường bộ. Chế tạo, sửa chữa dầm cầu thép và sữa chữa thiết bị, phương tiện xe máy thi công và sản xuất cơ khí khác.	2592
32.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: Sản xuất nhũ tương nhựa đường.	1920
33.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.	8211
34.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu.	8219
35.	Cung ứng lao động tạm thời. Chi tiết: Cung ứng lao động tạm thời trong nước (không bao gồm hoạt động cung ứng hoặc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)	7820
36.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi.	8220
37.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ viễn thông, dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền.	6190
38.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. (không bao gồm hoạt động nhập khẩu và phân phối các loại thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông có chưa vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu)	4652
39.	In ấn (trừ in ấn bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, mây, đan; không bao gồm hoạt động in xuất bản phẩm)	1811
40.	Dịch vụ liên quan đến in. (không bao gồm các dịch vụ liên quan đến hoạt động in xuất bản phẩm)	1812
41.	Quảng cáo (không dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở; không bao gồm hoạt động quảng cáo thuốc lá)	7310
42.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	8230
43.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2511
44.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599

STT	Tên ngành	Mã ngành
	(không hoạt động tại trụ sở).	
45.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu.	8699
46.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm: hàng lưu niệm là sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ, các vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu)	4773
47.	Sản xuất điện.	3511
48.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Tổ chức dịch vụ hướng dẫn tham quan hầm đường bộ Hải Vân, hầm đường bộ Đèo Cả - Cổ Mã, hầm đường bộ Cù Mông, hầm Phú Gia - Phước Tượng, Đoạn 37km QL 1 BOT Đèo Cả - Khánh Hòa và Hợp phần 1 QL1 đoạn Bắc Giang - Lạng Sơn.	7990
49.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo.	4293
50.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.	4299
51.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Sửa chữa các công trình giao thông. Thi công sơn mặt đường bằng công nghệ sơn dẻo nhiệt phản quang.	4212
52.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.	8129
53.	Bán lẻ ô tô con (loại 09 chỗ ngồi trở xuống).	4512
54.	Lắp đặt hệ thống cấp,thóat nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.	4322
55.	Xây dựng công trình công ích khác.	4229
56.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.	7730
57.	Xây dựng công trình khai khoáng.	4292
58.	**Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ** **Chi tiết: Hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân, hầm đường bộ Đèo Cả - Cổ Mã, hầm đường bộ Cù Mông, hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia, hầm Mũi Trâu. Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các tuyến quốc lộ được**	**5225 (chính)**

STT	Tên ngành	Mã ngành
	giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	
59.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ các hoạt động Nhà nước cấm).	9000
60.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị viễn thông (không hoạt động tại trụ sở).	2640
61.	Cổng thông tin (trừ thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí).	6312
62.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.	6311
63.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống).	4511
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Ủy thác xuất nhập khẩu, nghiên cứu chuyển giao công nghệ và sản xuất phần mềm công nghệ tin học viễn thông; Khai thuế hải quan.	8299
65.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước.	7830
66.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm cho thuê lại lao động, môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài).	7810
67.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.	4662
68.	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	4101
69.	Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	4102
70.	Xây dựng công trình điện. (không bao gồm hoạt động xây dựng Thủy điện đa mục tiêu và Điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4221
71.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước.	4222
72.	Xây dựng công trình đường sắt.	4211

STT	Tên ngành	Mã ngành
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. (không bao gồm hoạt động quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư)	5221
74.	Xây dựng công trình thủy.	4291
75.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc.	4223
76.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông, cốt thép cho xây dựng	2395
77.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng - hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi). Tư vấn: Lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Thiết kế các loại công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thiết kế kiến trúc công trình.Thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế điện công trình (đường dây trạm và trạm biến áp đến 110KV, hệ thống điện chiếu sáng). Thiết kế điện nước trong công trình. Thiết kế công trình thủy lợi. Thiết kế thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng. Khảo sát địa chất công trình. Khảo sát địa hình công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình). Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi và thủy điện. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông (cầu, đường bộ). Giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV trở xuống. Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV trở xuống. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng. Thiết kế thông gió, điều hòa không khí. Thiết kế lắp đặt hệ thống thiết bị điện, công trình đường dây TBA đến 220KV. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình dân dụng công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình điện dân dụng và công nghiệp. Tư vấn thẩm tra thiết kế hệ thống điện, công trình dân dụng, thiết kế thông gió, điều hòa không khí, thiết kế lắp đặt hệ thống điện công trình giao thông, thiết kế lắp đặt thiết bị điện, công trình đường dây và trạm biến áp đến 220KV (tư vấn thẩm tra trong phạm vi ngành nghề thiết kế đã đăng ký). Thẩm tra thiết kế công trình giao thông (hầm, cầu, đường bộ, công trình an toàn giao thông). Hoạt động tư vấn lắp đặt hệ thống công trình phòng cháy và chữa cháy. Thiết kế hệ thống công trình phòng cháy và chữa cháy.	7110
78.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
79.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, bao gồm thí nghiệm đất xây dựng, thí nghiệm nước dùng trong xây dựng, thí nghiệm vật liệu xây dựng, thí nghiệm cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thí nghiệm kết cấu công trình xây dựng.	
80.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, huấn luyện an toàn phòng pháy chữa cháy.	8559
81.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ phòng cháy chữa cháy.	8110
82.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ, bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.	7490
83.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không hoạt động tại trụ sở).	2392
84.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động trại trụ sở và gỗ có nguồn gốc hợp pháp).	1622
85.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng: cửa nhựa, cửa sổ, khung mành, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt (không hoạt động tại trụ sở).	2013
86.	Hoạt động chiếu phim.	5914